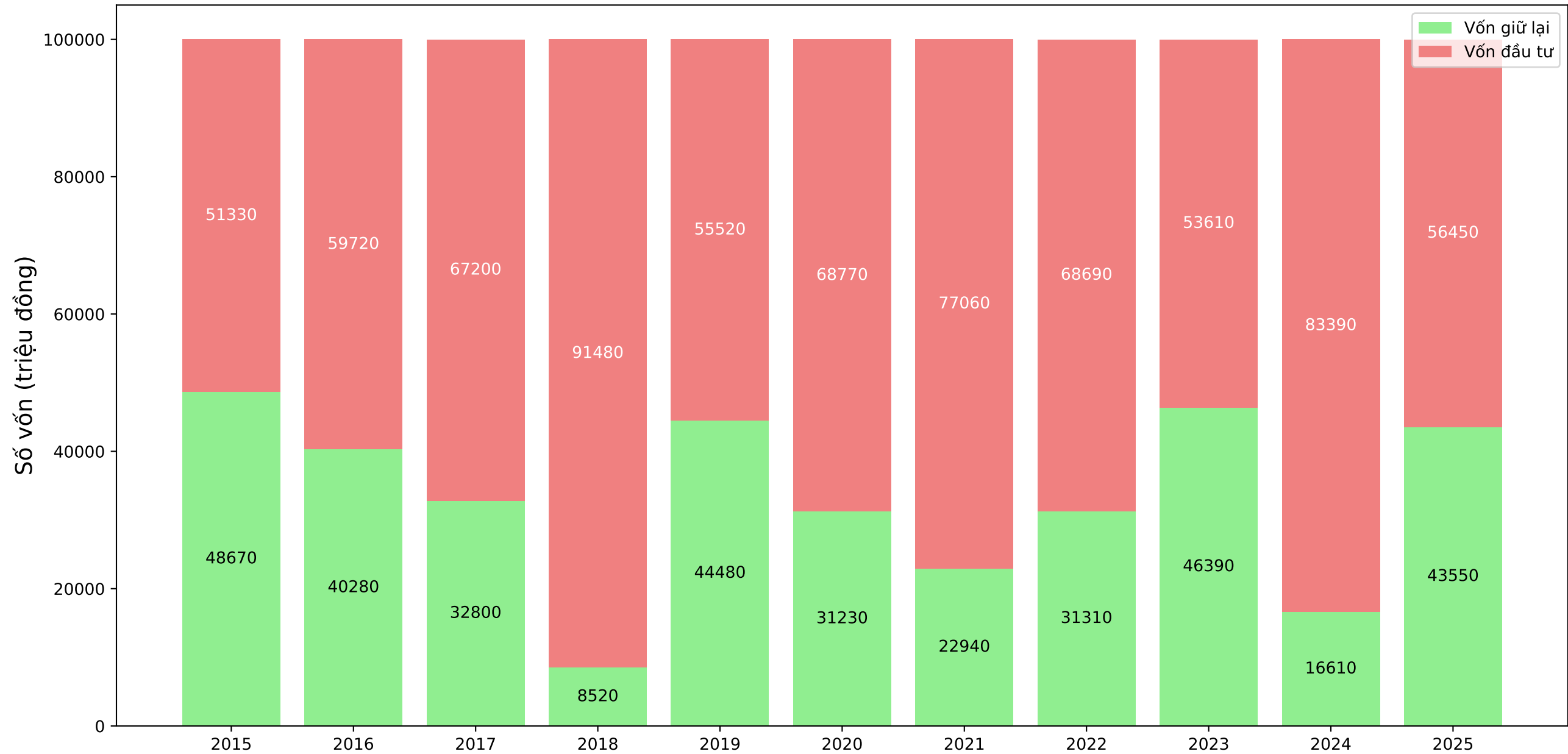


Phân chia vốn



Thông tin top 3

	nSB	RkB	Sy1	nS1	Rk1	Pr1	Sy2	nS2	Rk2	Pr2	Sy3	nS3	Rk3	Pr3
2015	4867	1	SVC	1356	132	1.591	HAP	866	278	0.905	DLG	688	274	0.656
2016	4028	1	BGM	2212	289	0.355	LCM	1770	281	0.356	TRC	1715	287	1.557
2017	3280	1	SVC	1364	294	1.031	TRC	1189	237	1.071	PTL	1186	254	1.312
2018	852	1	TS4	2772	159	0.797	HAR	2717	321	0.468	PET	1735	310	0.952
2019	4448	1	PET	1608	286	0.941	FCM	682	243	0.885	BFC	644	105	0.55
2020	3123	1	HAR	2748	352	2.289	ASM	1822	75	4.676	DLG	1386	162	1.223
2021	2294	1	HAR	2417	346	1.61	ADS	1962	166	1.985	IDI	1875	159	2.337
2022	3131	1	CDC	2421	342	1.042	VMD	2350	290	0.614	TTB	843	266	0.283
2023	4639	1	AAT	2657	328	1.194	ITC	2422	322	1.288	SMC	753	59	1.095
2024	1661	1	HAR	2717	326	0.772	APH	1828	311	0.865	SCD	1717	275	1.099
2025	4355	1	APH	2365	311	nan	PAN	1545	302	nan	SMC	1204	21	nan

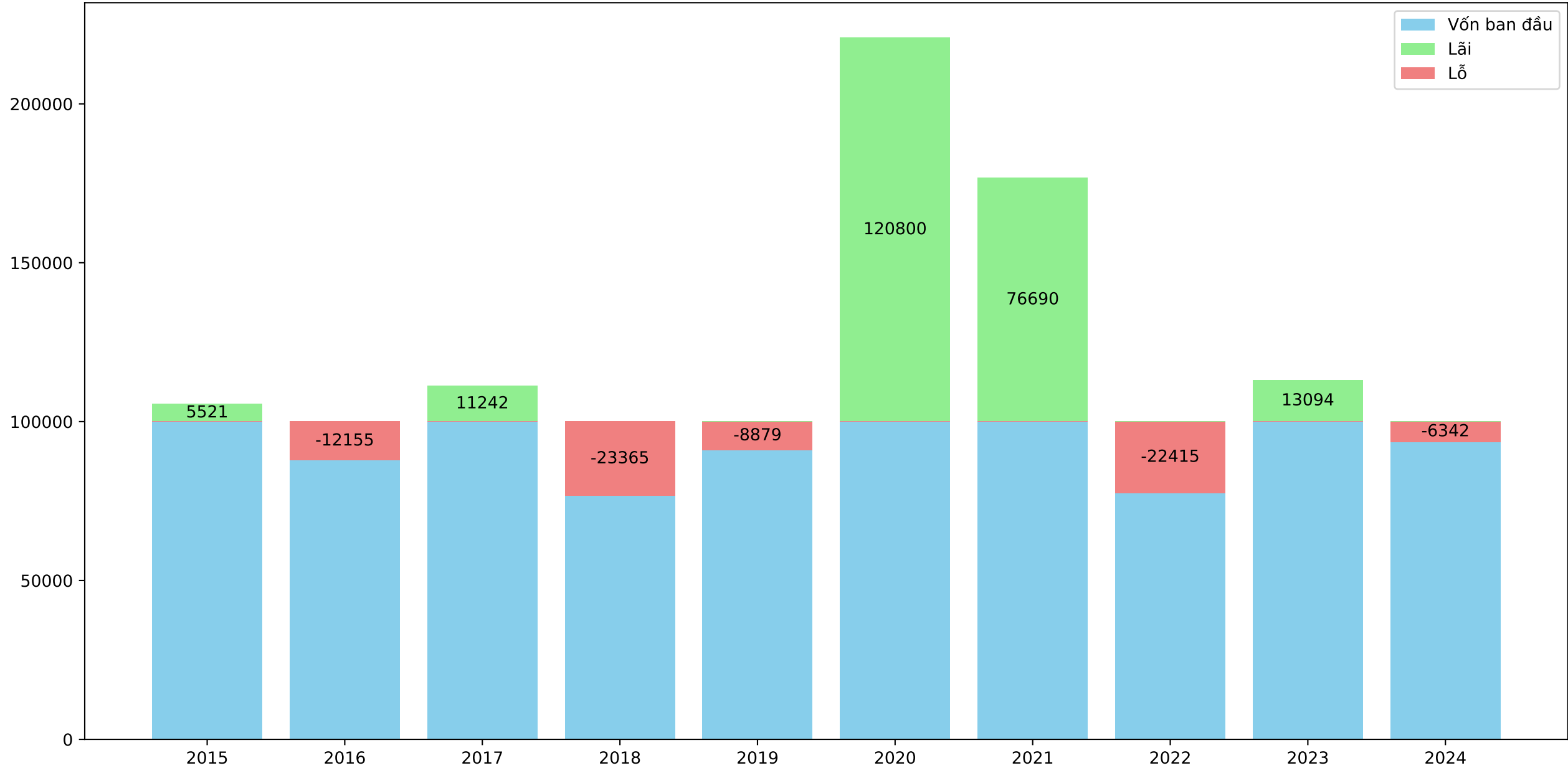
Sy: Mã công ty

Rk: Rank của SUM_RANK

nS: Số lượng gợi ý đầu tư

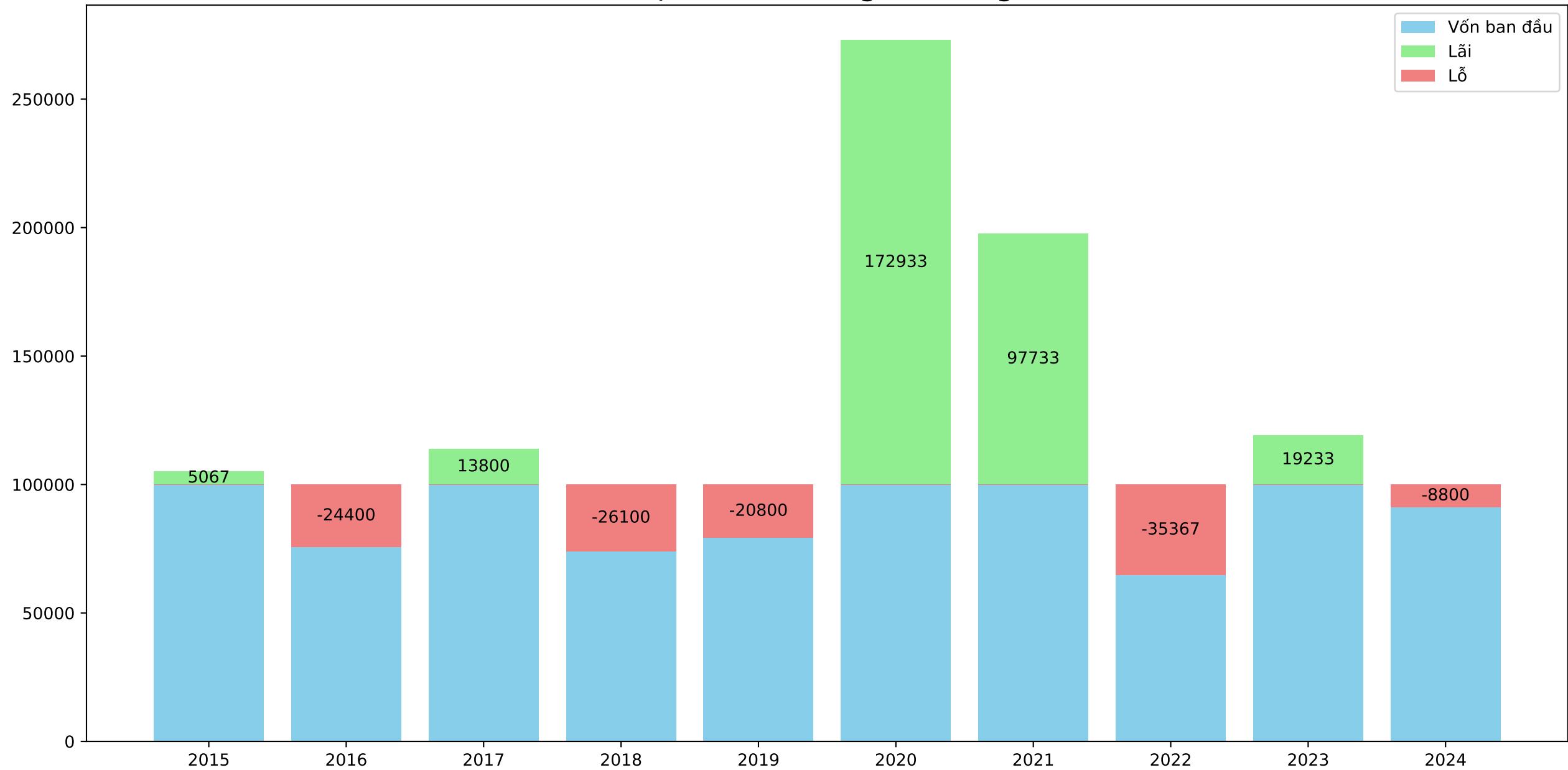
Pr: Profit (SELL/BUY)

Chiến lược đầu tư không dùng vốn gửi bank



HarMean Profit (2015 - 2024): 1.0365894329104801

Chiến lược đầu tư dùng cả vốn gửi bank



HarMean Profit (2015 - 2024): 0.9877945696695908